TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG - KHÓA 2018

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH81800452	Nguyễn	An	D18_XD01																									5.18	5.57	6.60	6.26			2.18	5.08	56/117	22/47	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH18
2	DH81801361	Đặng Hoàng	Bi	D18_XD01																									5.09	5.26		6.08	5.58	5.43	5.40	5.77	104/117	41/47				ĐẠT	DH18
3	DH81806388	Lê Hoàng Quốc	Duy	D18_XD01																									6.36	6.74	6.00	6.04	5.67		5.88	6.23	99/117	40/47				ĐẠT	DH18
4	DH81800045	Võ Khánh	Duy	D18_XD01																									5.00	5.26	5.44	5.87	5.67	5.00	5.24	5.65	93/117	38/47				ĐẠT	DH18
5	DH81801180	Lê Thanh Bình	Dương	D18_XD01																									6.82	5.74		6.39	5.58		5.00	5.88	100/117	40/47				ĐẠT	DH18
6	DH81800051	Lê Đức	Đạt	D18_XD01																									5.23	4.39	4.80	4.61	5.04		1.12	4.09	56/117	25/47	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
7	DH81802302	Lê Nguyễn Trường	Giang	D18_XD01																									5.82	5.61		6.91	6.83		6.48	6.34	102/117	43/47				ĐẠT	DH18
8	DH81801242	Trần Xuân	Hậu	D18_XD01																									5.82	5.96	7.00	7.00	6.54		7.00	6.58	111/117	45/47				ĐẠT	DH18
9	DH81801447	Bùi Minh	Hoàng	D18_XD01																									4.77	4.52		6.22	5.42		4.20	5.02	82/117	34/47				ĐẠT	DH18
10	DH81802779	Nguyễn Đỗ Xuân Hoàng	Huy	D18_XD01																									6.95	7.30		7.70	7.08		6.60	7.12	115/117	46/47				ĐẠT	DH18
11	DH81800900	Dương Trung	Hưng	D18_XD01																									4.68	5.35	6.11	6.28	5.75		5.16	5.73	96/117	39/47				ĐẠT	DH18
12	DH81802536	Phạm Đặng Hoàng	Kha	D18_XD01																									6.55	5.52		6.22	6.13		6.16	6.11	105/117	42/47				ĐẠT	DH18
13	DH81808002	Lê Trần Nguyên	Khang	D18_XD01																									2.68	3.00	7.33	5.35	5.35	5.00	5.58	5.16	86/117	37/47				ĐẠT	DH18
14	DH81802322	Trần Duy	Khang	D18_XD01																									6.14	6.52	8.00	7.57	6.46		6.16	6.67	107/117	43/47				ĐẠT	DH18
15	DH81801078	Dương Huỳnh Anh	Kiệt	D18_XD01																									7.00	7.35		7.91	6.92		7.25	7.37	117/117	47/47				ĐẠT	DH18
16	DH81800152	Trần Anh	Kiệt	D18_XD01																									5.59	6.13	6.67	6.78	6.58		5.61	6.35	108/117	44/47				ĐẠT	DH18
17	DH81802728	Lê Tường	Lâm	D18_XD01																									6.86	7.22		8.09	6.38		6.64	7.03	114/117	45/47				ĐẠT	DH18
18	DH81800702	Ma	Long	D18_XD01																									3.82	0.00		5.70	5.75	4.00	4.68	4.10	70/117	28/47				ĐẠT	DH18
19	DH81802416	Nguyễn Hoàng Hồng	Long	D18_XD01																									6.27	7.35	9.00	7.30	5.83		6.16	6.74	109/117	44/47				ĐẠT	DH18
20	DH81801062	Nguyễn Thiên	Long	D18_XD01																									4.41	5.04	0.57	2.57	4.63	5.43	4.36	4.44	72/117	30/47				ĐẠT	DH18
21	DH81805053	Nguyễn Đắc	Lương	D18_XD01																									4.77	4.87	5.57	5.70	5.33	5.00	5.21	5.43	86/117	35/47				ĐẠT	DH18
22	DH81800127	Nguyễn Hoài	Nam	D18_XD01																									7.09	6.04		7.65	6.25		6.61	6.79	111/117	45/47				ĐẠT	DH18
23	DH81802746	Trần Lê Hiếu	Nghĩa	D18_XD01																									5.82	4.96	7.00	5.83	5.00		4.96	5.49	79/117	33/47				ĐẠT	DH18
24	DH81400930	Phan Vạn	Ninh	D18_XD01													4.50	4.44	0.86	4.60	4.39	4.86	3.14	0.00		3.88							1.82		0.14	3.14	53/117	27/47	CB_BTH_2	NoHP	KoDKMH	DC & CB_TGIAN	DH14
25	DH81806395	Hoàng Tấn	Phát	D18_XD01																									5.14	5.74	7.71	6.61	5.38		4.50	5.69	87/117	36/47				ĐẠT	DH18
26	DH81801898	Lâm Khả	Phi	D18_XD01																									5.82	5.65	6.43	6.09	5.54	6.50	5.97	6.26	103/117	42/47				ĐẠT	DH18
27	DH81805326	Mã Trường	Phi	D18_XD01																									5.14	4.91		6.83	6.13	5.57	6.32	6.09	106/117	44/47				ĐẠT	DH18
28	DH81801966	Nguyễn Hoài	Phú	D18_XD01																									4.86	4.26	6.11	5.78	5.83		5.14	5.42	95/117	38/47				ĐẠT	DH18
29	DH81800383	Nguyễn Tấn	Phước	D18_XD01																									5.50	5.65	4.71	6.65	5.75	5.00	5.72	5.95	99/117	40/47				ĐẠT	DH18
30	DH81808000	Nguyễn Thành	Tấn	D18_XD01																									1.18	5.52		0.18	4.72		2.16	4.68	93/117	39/47	CCHV_3		KoDKMH	DC	DH18
31	DH81800979	Trần Văn	Thanh	D18_XD01																									5.64	5.61	7.33	5.96	5.63		5.84	5.91	105/117	43/47				ĐẠT	DH18
32	DH81805552	Vũ Duy	Thanh	D18_XD01																									6.50	6.65		7.22	6.00		7.07	6.79	117/117	47/47				ĐẠT	DH18
33	DH81806192	Bùi Nguyễn Đình	Thi	D18_XD01																									2.36	6.73		6.60	0.00		0.00	6.17	125/117	52/47	CCHV_3			CCHV	DH18
34	DH81801731	Nguyễn Hoàng	Thi	D18_XD01																									5.27	5.30	5.78	6.35	5.46		5.28	5.72	92/117	39/47				ĐẠT	DH18
35	DH81802645	Lâm Gia	Thịnh	D18_XD01																									4.95	5.09	6.71	6.22	5.96	5.00	5.29	5.77	104/117	42/47				ĐẠT	DH18
36	DH81805756	Phan Văn	Tiến	D18_XD01																									4.23	4.61	5.33	6.13	5.54	5.00	5.18	5.49	93/117	38/47				ĐẠT	DH18
37	DH81805851	Huỳnh Trường	Trí	D18_XD01																									4.45	4.09		4.83	5.54	4.29	5.12	4.97	81/117	34/47				ĐẠT	DH18
38	DH81802472	Phạm Nguyễn Hoàng	Trọng	D18_XD01																									5.27	4.87	4.57	6.13	4.21	4.00	5.04	5.29	80/117	32/47				ĐẠT	DH18
39	DH81805913	Nguyễn Quang Nhật	Trường	D18_XD01																									4.55	0.78		1.83	5.42		4.47	3.07	29/117	13/47				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG - KHÓA 2018

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																		TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
40	DH81802651	Lữ Anh	Tuấn	D18_XD01																									5.05	3.87		5.00	5.71	4.57	1.28	4.26	58/117	24/47	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
41	DH81801075	Lê Huy	Tướng	D18_XD01																									4.95	3.74		5.92	5.67	5.00	4.32	5.09	86/117	34/47				ĐẠT	DH18
42	DH81801458	Võ Quốc	Việt	D18_XD01																									5.82	6.39	7.00	7.30	6.04		5.96	6.38	108/117	44/47				ĐẠT	DH18
43	DH81806076	Võ Nguyên	Vương	D18_XD01																									4.36	6.52	6.33	7.23	6.46		6.57	6.66	113/117	44/47				ĐẠT	DH18
44	DH81804245	Nguyễn Trường	An	D18_XD02																									2.45	3.70	2.00	4.89	4.58		3.42	3.92	46/117	18/47	CCHV_3			CCHV	DH18
45	DH81804259	Đinh Hoàng Hùng	Anh	D18_XD02																									5.18	5.17	6.71	6.74	5.42		5.54	5.83	98/117	39/47				ĐẠT	DH18
46	DH81803813	Ngô Hùng	Anh	D18_XD02																									4.64	5.09		6.52	5.46		4.64	5.40	92/117	36/47				ĐẠT	DH18
47	DH81803118	Phạm Tuấn	Anh	D18_XD02																									4.05	4.52	5.11	5.70	4.58		3.42	4.73	56/117	25/47	CCHV_1			CCHV	DH18
48	DH81803845	Nguyễn Thanh	Bích	D18_XD02																									4.32	5.57	6.57	6.87	6.00		5.33	5.92	98/117	39/47				ĐẠT	DH18
49	DH81804315	Huỳnh Thanh	Bình	D18_XD02																									5.45	4.83	0.00	5.65	5.83		4.86	5.34	85/117	33/47				ĐẠT	DH18
50	DH81804360	Đỗ Quốc	Chiến	D18_XD02																									5.00	6.17	5.14	6.48	5.54		4.92	5.72	93/117	37/47				ĐẠT	DH18
51	DH81803388	Phan Hoàng	Chiến	D18_XD02																									5.00	5.09	7.00	6.83	5.42		4.54	5.52	80/117	32/47				ĐẠT	DH18
52	DH81806460	Hồ Tiến	Cường	D18_XD02																									7.14	7.09		7.43	5.83		5.70	6.66	111/117	43/47				ĐẠT	DH18
53	DH81800590	Trần Công	Điền	D18_XD02																									5.05	5.22	5.78	6.30	5.00	6.00	5.12	5.56	95/117	37/47				ĐẠT	DH18
54	DH81804504	Nguyễn Hữu	Đính	D18_XD02																									6.50	7.35		7.24	6.88		7.24	7.10	117/117	47/47				ĐẠT	DH18
55	DH81804488	Nguyễn Ngọc	Đức	D18_XD02																									4.09	5.61	6.67	6.61	5.58		5.21	5.78	100/117	39/47				ĐẠT	DH18
56	DH81803678	Trương Minh	Hải	D18_XD02																									6.18	4.22		5.96	6.79		5.03	5.91	103/117	41/47				ĐẠT	DH18
57	DH81803880	Nguyễn Mậu Nhật	Hậu	D18_XD02																									0.00	0.91		1.61	1.92	3.36	1.86	1.63	8/117	3/47	CB_BTH_2			CB_BTH	DH18
58	DH81803922	Ngô Trần Quang	Huy	D18_XD02																									2.32	5.09		5.30	5.21	1.67	3.60	4.33	68/117	26/47				ĐẠT	DH18
59	DH81803549	Nguyễn Ngọc	Mỹ	D18_XD02																									3.82	4.30	4.71	5.35	3.86		2.88	4.25	58/117	25/47	CCHV_2			CCHV	DH18
60	DH81803847	Nguyễn Võ Phước	Nam	D18_XD02																									5.86	5.09		6.08	5.21		5.16	5.52	94/117	37/47				ĐẠT	DH18
61	DH81801427	Phan Thị Quỳnh	Ngân	D18_XD02																									7.14	7.83		8.26	7.50		7.52	7.65	115/117	46/47				ĐẠT	DH18
62	DH81805187	Võ Tiến	Nghĩa	D18_XD02																									6.05	5.96		6.30	5.42		6.04	5.95	103/117	41/47				ĐẠT	DH18
63	DH81803073	Từ Thanh	Nhật	D18_XD02																									4.64	4.87		5.56	5.63		3.93	4.97	78/117	32/47				ĐẠT	DH18
64	DH81802079	Đinh Thị Tuyết	Nhi	D18_XD02																									5.00	5.43	6.00	5.80	4.71		4.71	5.21	93/117	37/47		NoHP		DC	DH18
65	DH81802901	Lê Thành	Phát	D18_XD02																									6.23	6.22	4.00	7.43	6.25	6.00	6.76	6.62	117/117	47/47				ĐẠT	DH18
66	DH81805314	Lê Trường	Phát	D18_XD02																									4.73	5.87		5.38	5.25		4.93	5.28	87/117	36/47				ĐẠT	DH18
67	DH81803141	Võ Kim	Phát	D18_XD02																									4.18	4.52		5.48	4.38		2.50	4.25	51/117	23/47	CCHV_1			CCHV	DH18
68	DH81805339	Nguyễn Thanh	Phong	D18_XD02																									6.36	6.30		6.19	5.46		5.32	5.98	105/117	42/47				ĐẠT	DH18
69	DH81802027	Vỏ Văn	Phúc	D18_XD02																									5.73	5.96		6.43	5.58		5.79	5.96	102/117	41/47				ĐẠT	DH18
70	DH81803023	Trần Đình	Phước	D18_XD02																									5.68	5.26		5.78	5.42		4.71	5.39	92/117	37/47				ĐẠT	DH18
71	DH81803629	Danh	Rào	D18_XD02																									5.82	5.00		5.32	4.71		1.36	4.47	69/117	29/47	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
72	DH81803952	Ngô Thái	San	D18_XD02																									7.32	7.74		6.78	6.96		5.72	6.88	110/117	43/47				ĐẠT	DH18
73	DH81805483	Nguyễn Quang	Sến	D18_XD02																									7.00	6.96		7.57	6.36		6.48	6.94	109/117	44/47				ĐẠT	DH18
74	DH81803891	Trần Lê Đình	Thanh	D18_XD02																									5.36	5.26	7.00	6.12	5.29		4.88	5.52	80/117	33/47				ĐẠT	DH18
75	DH81805562	Phạm Ngọc	Thành	D18_XD02																									3.86	4.30	5.29	3.39	4.04	1.50	2.53	3.92	44/117	20/47	CCHV_3			CCHV	DH18
76	DH81801728	Trần Văn	Thạnh	D18_XD02																									8.09	8.61		8.85	7.42		7.58	8.12	119/117	47/47				ĐẠT	DH18
77	DH81803202	Nguyễn Thành	Thắng	D18_XD02																									5.55	6.13		5.93	5.67		4.50	5.64	96/117	38/47				ĐẠT	DH18
78	DH81805627	Phạm Văn	Thịnh	D18_XD02																									6.36	6.39		6.65	4.96		5.19	5.98	87/117	34/47				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG - KHÓA 2018

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
79	DH81805673	Huỳnh Văn	Thuận	D18_XD02																									4.68	5.39	0.00	6.39	5.96		4.85	5.47	96/117	39/47				ĐẠT	DH18
80	DH81805676	Nguyễn Hoài	Thuận	D18_XD02																									6.59	6.74		5.32	5.46		5.29	6.14	100/117	38/47				ĐẠT	DH18
81	DH81805721	Hồ Thị Thu	Thủy	D18_XD02																									8.41	9.00		9.04	8.88		8.24	8.71	117/117	47/47				ĐẠT	DH18
82	DH81805743	Hà Nhật	Tiến	D18_XD02																									5.59	3.48		4.09	4.33		2.61	4.03	55/117	25/47	CCHV_2			CCHV	DH18
83	DH81804179	Nguyễn Hữu	Trí	D18_XD02																									7.18	7.65		6.78	2.63		0.00	4.98	71/117	28/47	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
84	DH81803200	Lê Đạn	Trình	D18_XD02																									4.95	5.26	6.67	5.84	5.00		4.21	5.33	92/117	36/47				ĐẠT	DH18
85	DH81806459	Trương Đắc	Trường	D18_XD02																									6.50	4.87		6.28	5.59		5.84	6.00	98/117	39/47				ĐẠT	DH18
86	DH81803790	Trần Doãn	Tú	D18_XD02																									6.18	5.78		6.52	6.08		4.60	5.81	88/117	35/47				ĐẠT	DH18
87	DH81802963	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	D18_XD02																									6.50	6.70		6.35	6.08	4.00	5.20	6.15	104/117	41/47				ĐẠT	DH18
88	DH81805494	Trần Văn	Tỳ	D18_XD02																									6.41	5.26	0.00	6.35	5.00		5.68	5.84	97/117	40/47				ĐẠT	DH18
89	DH81803600	Hà Trí	Văn	D18_XD02																									4.23	4.35		5.48	4.86	4.00	4.32	4.80	77/117	31/47				ĐẠT	DH18
90	DH81806000	Lê Nguyễn Phương	Vỹ	D18_XD02																									6.68	4.74		4.70	4.96		2.28	4.62	67/117	28/47	CCHV_1			CCHV	DH18
91	DH81803881	Nguyễn Hồng	Vỹ	D18_XD02																									5.36	5.35		6.12	4.54		3.40	4.97	72/117	29/47	CCHV_1			CCHV	DH18

Lưu ý: **- Điểm trung bình được tính đến ngày 18/03/2021 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**

- Phòng Đào tạo nhận đơn giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 23/03/2021 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/03/2021. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C31): - Điểm trung bình học kỳ

- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:

101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1

102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2

103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè

111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy

Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện

Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

---

Qui ước:

[1] NoHP: Nợ học phí

[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học

[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập

[4] BTH: Buộc thôi học

[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học

[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập

[7] DC: Đình chỉ học tập

[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập

[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân

[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân

[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**